

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T2
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày: 05-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T2, TỈNH H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Nhân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vương Quốc Quỳ**, Bà **Đoàn Thị Chuyên**.

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Phạm Đình Lân** - Thư ký Toà án nhân dân huyện T2, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh H tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Xuê** - Kiểm sát viên xét xử tại điểm cầu Trung tâm; Ông **Phạm Sỹ Phụng** - Kiểm sát viên xét xử tại điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại 01 điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân huyện T2 và 01 điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, Tòa án nhân dân huyện T2 tỉnh H T4 hành xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2023/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thị B, sinh năm 1974 tại tỉnh H; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 4, thôn T, xã C, huyện T2, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S; Con bà Nguyễn Thị H (đã chết); Chồng: Vũ Văn T3, sinh năm 1973; Có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51 ngày 11/6/2014 của Công an huyện T2 xử phạt Trần Thị B về hành vi Trộm cắp tài sản. B đã chấp hành xong ngày 12/6/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/8/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt.*

* **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:** Ông Vũ Văn T3, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Xóm 4, thôn T, xã C, huyện T2, tỉnh H. *Có mặt.*

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

* **Bị hại:** Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1979; Nơi cư trú: thôn An Sơn, xã Hồng Quang, huyện T2, tỉnh H. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện T2, tỉnh H; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn La Ngoại, xã Ngũ Hùng, huyện T2, tỉnh H. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Anh **Đoàn Văn T4**, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện T2, tỉnh H. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Chị **Đoàn Thị Đ1**, sinh năm 1974; Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện T2, tỉnh H. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Anh **Nguyễn Đ2**, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn PH Khê, xã C, huyện T2, tỉnh H. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Anh **Vũ Văn T5**, sinh năm 2000; Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện T2, tỉnh H. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

* **Người làm chứng:**

- Anh **Tô Văn T6**, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn An Sơn, xã Hồng Quang, huyện T2, tỉnh H;

- Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn An Sơn, xã Hồng Quang, huyện T2, tỉnh H;

- Anh **Nguyễn Văn T7**, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn Quang Trung, xã Hồng Phong, huyện T2, tỉnh H;

- Chị **Vũ Ngọc B1**, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn Ấp Y, xã Tân Trào, huyện T2, tỉnh H.

- Anh **Ngô Văn Tường**, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện T2, tỉnh H.

- Chị **Nguyễn Thị C2**, sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn Đ1 Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện T2, tỉnh H.

- Anh **Nguyễn Thanh T8**, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn Hữu Chung, xã Hồng Quang, huyện T2, tỉnh H.

Những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 08/8/2023, Trần Thị B điều khiển xe mô tô BKS 34AE - 032.95 đi từ nhà ở thôn T, xã C, huyện T2, tỉnh H lên thị trấn T2, huyện T2 để đi mua quần áo và thuốc trừ sâu. Khi đi qua cổng Hội người mù huyện T2, thuộc khu Lê Bình, thị trấn T2, B nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. B dừng xe mô tô ở cổng Hội người mù rồi đi bộ vào bên trong, thấy có người đang ngồi ngoài sân và mời B vào uống nước, B không nói gì và đi ra vị trí dựng xe đứng chờ. Khoảng 20 phút sau, B thấy không có ai ở bên ngoài nên đi vào bên trong toà nhà của Hội người mù, thấy tại phòng số 01 có anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979, ở thôn An Sơn, xã Hồng Quang, huyện T2 và 02 người bạn của anh M đang nằm sấp trên giường để 06 hội viên của Hội người mù đang tầm soát. B lén lút vào trong phòng, đến khu vực treo quần áo của khách, thấy có chiếc ví da màu nâu để trong túi quần bò lưng của anh M, B dùng tay lấy chiếc ví rồi cất vào túi quần phía trước bên phải của mình sau đó đi ra ngoài. B điều khiển xe mô tô đi về phía khu Phụng Hoàng Hạ khoảng 500 mét thì dừng lại kiểm tra bên trong ví thấy có giấy tờ tùy thân mang tên Nguyễn Văn M cùng với số tiền 10.700.000 đồng (gồm 9.500.000 đồng là tiền mệnh giá 500.00 đồng và 1.200.000 đồng tiền mệnh giá 200.000 đồng). Sau khi kiểm tra xong, B cất tiền và ví vào túi quần đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà.

Trên đường về, B vào cửa hàng của chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1989 ở thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện T2 mua 04 lọ thuốc bảo vệ thực vật hết 660.000 đồng; vào cửa hàng của chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1980, ở thôn La Ngoại, xã Ngũ Hùng, huyện T2 mua 01 chiếc vòng khung inox hết 850.000 đồng; vào cửa hàng của anh Nguyễn Đ2, sinh năm 1993 ở thôn PH Khê, xã C, huyện T2 sửa xe hết 1.250.000 đồng. Sau khi về đến nhà, B cất chiếc ví trộm cắp được ở gầm tủ lạnh của gia đình rồi cầm tiền vừa trộm cắp được trả cho anh Đoàn Văn T4, sinh năm 1977 ở cùng thôn số tiền 3.300.000 đồng và trả chị Đoàn Thị Đ1, sinh năm 1974 ở cùng thôn số tiền 3.000.000 đồng.

Anh M phát hiện bị trộm cắp chiếc ví bên trong có giấy tờ tùy thân và số tiền 10.700.000 đồng nên đã trình báo Công an thị trấn T2 và Công an huyện T2. B đã tự nguyện giao nộp số tiền còn lại trên người là 1.306.000 đồng, còn lại số tiền 334.000 đồng trộm cắp được B khai không nhớ làm rơi ở đâu, đồng thời chỉ vị trí cất giấu chiếc ví trộm cắp được của anh M.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 386 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong khi xảy ra vụ án ngày 08/8/2023 và tại thời điểm giám định, Trần Thị B bị bệnh Châm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số

F70. Tại các thời điểm trên bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, anh Đoàn Văn T4, chị Đoàn Thị Đ1, anh Nguyễn Đ2, chị Nguyễn Thị C1 và chị Nguyễn Thị Y đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 9.060.000 đồng nhận từ Trần Thị B. Cơ quan điều tra quản lý của B 01 chiếc vòng khung inox và trả lại cho chị Y. Anh Đ2, chị C1 và chị Y không yêu cầu B phải bồi thường số tiền trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quản lý tổng số tiền 10.366.000 đồng (9.060.000 đồng do những người liên quan giao nộp, 1.306.000 đồng do Trần Thị B giao nộp), 01 ví da màu nâu và toàn bộ giấy tờ tùy thân của anh M do B trộm cắp, đã trả lại cho anh M quản lý, sử dụng. Đối với số tiền 334.000 đồng còn thiếu, anh M tự nguyện cho bị cáo B và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác. Anh M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Thu giữ vật chứng: 01 mũ bảo hiểm nửa đầu, màu đỏ; 01 áo vải loại dài tay màu nâu xám có hoạ tiết màu đen; 01 quần vải loại quần dài tối màu của Trần Thị B mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 23 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh H truy tố bị cáo Trần Thị B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo ông Phạm Văn Đ gửi bài luận cứ bào chữa, đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét đến trình độ văn hoá, nhận thức của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt (06 tháng tù) để bị cáo sớm có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh H thực hành quyền công tố, trình bày luận tội giữ nguY quan điểm như đã truy tố và đề nghị HĐXX:

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trần Thị B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị B từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 17/8/2023.

- *Hình phạt bổ sung:* Không áp dụng.

- *Về vật chứng:* Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu cho tiêu huỷ: 01 mũ bảo hiểm nửa đầu, màu đỏ; 01 áo vải loại dài tay màu nâu xám có hoạ tiết màu đen; 01 quần vải loại quần dài tối màu của Trần Thị B mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T4 hành tố tụng, người T4 hành tố tụng, người bào chữa cho bị cáo. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan T4 hành tố tụng, người T4 hành tố tụng, người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền chi T3 nên khoảng 15 giờ ngày 08/8/2023, Trần Thị B đã lén lút vào Hội người mù huyện T2 trộm cắp 01 chiếc ví da màu nâu bên trong có số tiền 10.700.000 đồng và giấy tờ tùy thân của anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979, trú tại thôn An Sơn, xã Hồng Quang, huyện T2, tỉnh H để trong túi quần treo trên móc của phòng tắm quần số 01.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.700.000 đồng và giấy tờ tùy thân của anh Nguyễn Văn M. Bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 386/KLGDPY ngày 10/11/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong khi xảy ra vụ án ngày 08/8/2023 và tại thời điểm giám định, Trần Thị B bị bệnh Chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F70.

Tại các thời điểm trên, Trần Thị B hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Như vậy bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Trần Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng VKSND huyện T2 truy tố đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Khi xem xét, quyết định hình phạt, HĐXX thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là ông Trần Văn S được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu. Ngày 11/6/2014 bị cáo bị Công an huyện T2 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51 xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo không lấy đó làm bài học rèn luyện bản thân mà nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. HĐXX cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước cũng như sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Xét bị cáo đang bị tạm giam, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh M đã nhận lại số tiền 10.366.000 đồng và giấy tờ tùy thân. Đối với số tiền 334.000 đồng còn thiếu, anh M tự nguyện cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh Đoàn Văn T4, chị Đoàn Thị Đ1, anh Nguyễn Đ2, chị Nguyễn Thị C1 và chị Nguyễn Thị Y đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 9.060.000 đồng nhận từ Trần Thị B. Cơ quan điều tra quản lý của B 01 chiếc vòng khung inox và trả lại cho chị Y. Anh T4, chị Đ1, anh Đ2, chị C1 và chị Y không yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 mũ bảo hiểm nửa đầu, màu đỏ; 01 áo vải loại dài tay màu nâu xám có hoạ tiết màu đen; 01 quần vải loại quần dài tối màu của Trần Thị B mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vật dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, T3 hủy phù hợp quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[7] Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS 34AE-032.95 thuộc sở hữu của anh Vũ Văn T5, sinh năm 2000, ở thôn T, xã C, huyện T2 (là con trai của B). Anh T5 không biết B sử dụng xe mô tô đi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho anh T5 quản lý, sử dụng là đúng quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo B bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trần Thị B phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. *Về hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo Trần Thị B **08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 17/8/2023.

3. *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng.

4. *Về xử lý vật chứng:*

Tịch thu cho Tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm nửa đầu, màu đỏ; 01 áo vải loại dài tay màu nâu xám có hoạ tiết màu đen; 01 quần vải loại quần dài tối màu của Trần Thị B .

Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh H.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/11/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện T2 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh H).

5. *Về án phí*: Bị cáo Trần Thị B được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T2;
- VKSND tỉnh H;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh H;
- CQCSĐT-Công an huyện T2;
- Bộ phận HSNV-CA huyện T2;
- CQTHAHS-Công an tỉnh H;
- Chi cục THADS huyện T2;
- Sở Tư Pháp tỉnh H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn